

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08** /2021/KDTM-PT
Ngày: 27 /12/2021
V/v “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
thanh toán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Toàn

Ông Nguyễn Trung Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lệ Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2021/TLPT-KDTM ngày 20/10/2021 về việc “*Tranh chấp Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2020/KDTM-ST ngày 08/04/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2021/QĐ-PT ngày 04/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/QĐ-PT ngày 30/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N – sinh năm 1957 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân NT.

Địa chỉ: 4A Võ Thị A, phường PL, thành phố NT, tỉnh KH.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế M.

Địa chỉ: 3/14C, tổ 3, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông G – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Huy I, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Tổ 22B, khu phố 2, phường D, thành phố B, tỉnh ĐN.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại S.

Địa chỉ: E341, tổ 4B, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh ĐN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc C – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

(Bà N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm

*** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân NT trình bày :**

Ngày 22/12/2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế M (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký hợp đồng thi công gói thầu số: 2212/2014/HĐXD/VPNT-THM với Công ty trách nhiệm hữu hạn V NT (sau đây gọi tắt là Công ty V) để thi công công trình V NT tại đảo HT, phường VN, thành phố NT, tỉnh KH.

Ngày 24/12/2014, ông G - Giám đốc Công ty M ký giấy ủy quyền cho ông Bùi Huy I - Phó Giám đốc chịu trách nhiệm đối với hợp đồng thi công số: 2212/2014/HĐXD/VPNT-THM về tài chính, tổ chức, điều hành, quản lý đội ngũ cán bộ, nhân viên thi công. Ngày 28/12/2014, ông G viết giấy giới thiệu số 27 cho ông I đi liên hệ công tác, thay mặt giám đốc ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị.

Ngày 29/12/2014, ông I liên hệ với bà Trần Thị Kim N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân NT để mua vật liệu xây dựng. Ông I lập bảng đề xuất mua xi măng, cát, đá, gạch đing, thép, cốt pha, ván đen, sắt hộp. Khi mua bán vật liệu xây dựng, hai bên không ký hợp đồng mà người mua hàng làm bảng đề xuất, sau đó người bán hàng giao hàng tận nơi theo yêu cầu của bên mua hàng. Khi giao hàng, có người đại diện của bên mua hàng ký xác nhận số lượng, giá trị hàng, địa điểm nhận hàng tại công trình thi công xây dựng V NT tại đảo HT, phường VN, thành phố NT, tỉnh KH.

Khi mua vật liệu xây dựng, Công ty M đặt cọc cho bà N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền Công ty M đã mua vật liệu xây dựng của bà N là 610.000.000 đồng (sáu trăm mười triệu đồng) nhưng cho đến nay vẫn chưa thanh toán. Nay bà N khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

*** Quá trình tham gia tố tụng, ông G là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế M trình bày:**

Ngày 22/12/2014, Công ty M ký hợp đồng thi công gói thầu số: 2212/2014/HĐXD/VPNT-THM với Công ty V để thi công công trình V NT tại đảo HT, phường VN, thành phố NT, tỉnh KH. Ngày 24/12/2014, ông G ký giấy ủy quyền cho ông I chịu trách nhiệm đối với hợp đồng thi công số:

2212/2014/HĐXD/VPNT-THM về tài chính, tổ chức, điều hành, quản lý đội ngũ cán bộ, nhân viên thi công.

Ngày 25/12/2014, Công ty M và Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Thương mại S (sau đây gọi tắt là Công ty S) do ông Lê Ngọc C đại diện ký hợp đồng thi công số: 02/HĐTC/THM/TSH ĐTC/12/2014. Theo nội dung hợp đồng, Công ty M giao Công ty S thi công phần thô và hoàn thiện 03 căn biệt thự thuộc dự án trên. Công ty S nhận thi công và tự lo phần vật liệu xây dựng, nhân công. Công ty M không có trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng và nhân công cho Công ty S mà chỉ có trách nhiệm quyết toán tiền theo hợp đồng đã ký khi Công ty S bàn giao công trình. Công ty S mua vật liệu xây dựng của ai Công ty M không biết. Vì vậy, Công ty M không đồng ý thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng) theo yêu cầu của bà N.

**** Quá trình tham gia tố tụng, ông Lê Ngọc C là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại S trình bày:***

Ngày 25/12/2014, Công ty S và Công ty M ký hợp đồng thi công số: 02/HĐTC/THM/TSH ĐTC/12/2014. Theo nội dung hợp đồng, Công ty M giao cho Công ty S thi công phần thô và hoàn thiện 03 căn biệt thự thuộc dự án V NT tại đảo HT, phường VN, thành phố NT, tỉnh KH. Sau khi ký hợp đồng, ông G và ông I giao cho ông C đi liên hệ tìm nguồn mua vật tư thực hiện công trình. Sau khi tìm được nguồn mua và báo cáo cho Công ty M thì được ông G và ông I đồng ý.

Ngày 29/12/2014, ông I đã lập bảng kê đề xuất mua vật liệu xây dựng của bà Trần Thị Kim N - Chủ Doanh nghiệp tư nhân NT. Khi vật liệu xây dựng giao về công trình do Công ty M quản lý, điều phối, Công ty S xây dựng đến đâu thì Công ty M giao vật liệu xây dựng đến đó. Công ty M mua vật liệu xây dựng của bà N là có thật, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để bảo đảm quyền lợi cho bà N.

Công ty S đã thi công 03 căn biệt thự thuộc dự án V NT tại VM, đảo HT, VN, NT, KH như đã ký kết với Công ty M nhưng đến nay chưa được thanh toán tiền thi công. Tuy nhiên, Công ty S không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm lần 01 đã tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” của bà Trần Thị Kim N đối với Công ty M.

Bà Trần Thị Kim N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 09/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tiến hành xét xử phúc thẩm và tuyên hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 06/2020/KDTM-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 220, Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 55 Luật thương mại; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” của bà Trần Thị Kim N - Chủ Doanh nghiệp tư nhân NT đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/4/2021, bà Trần Thị Kim N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/5/2021, bà Trần Thị Kim N có đơn kháng cáo bổ sung theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc Công ty M hoặc cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho bà khoản nợ còn lại là 590.000.000 đồng.

***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:**

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Kim N đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N buộc công ty M (hoặc cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan công ty S) có trách nhiệm thanh toán 590.000.000 đồng cho bà N:

Ngày 22/12/2014, Công ty M ký hợp đồng thi công gói thầu số 2212/2014/HĐXD/VPNT-THM với Công ty TNHH V NT để thi công công trình V NT tại đảo HT, phường VN, TP. NT, tỉnh KH.

Ngày 24/12/2014, ông G ký giấy ủy quyền cho ông Bùi Huy I thực hiện hợp đồng thi công số 2212/2014/HĐXD/VPNT-THM.

Ngày 25/12/2014, Công ty M và Công ty S ký kết với nhau hợp đồng thi công số 02/HĐTC/THM/TSH ĐTC/12/2014 với nội dung Công ty M giao cho công ty S thi công phần thô và hoàn thiện 03 căn biệt thự thuộc dự án trên.

Để thi công dự án trên, ông I và ông C đã liên hệ với DNTN NT do bà Trần Thị Kim N làm chủ để mua vật liệu xây dựng. Ông I lập bảng đề xuất vật liệu xây dựng gồm: xi măng, cát, đá, gạch đinh, thép, cốt pha, ván đen, sắt hộp. Bà N căn cứ trên bảng đề xuất để giao vật tư tại công trình.

Việc bà N – chủ DNTN NT giao vật liệu xây dựng để thi công công trình trên là có thật. Cho đến nay, số tiền mua vật liệu xây dựng để thi công vẫn còn thiếu của DNTN NT số tiền 590.000.000 đồng (610.000.000 đồng – 20.000.000 đồng đặt cọc) là đúng và các bên có thừa nhận.

Tuy nhiên, ông G cho rằng Công ty S nhận thi công phần thô và hoàn thiện 03 căn biệt thự thuộc dự án trên và tự lo phần vật liệu xây dựng, nhân công. Công ty M không có trách nhiệm phải cung cấp vật liệu xây dựng và nhân công cho công ty S mà chỉ có trách nhiệm quyết toán tiền theo hợp đồng đã ký khi S bàn giao công trình nên công ty M không đồng ý thanh toán số tiền trên cho bà N.

Theo hợp đồng thi công số 02/HĐTC/THM/TSH ĐTC/12/2014 giữa Công ty TNHH tư vấn thiết kế M và Công ty TNHH xây dựng thương mại S thì Công ty M giao cho công ty S thi công 03 căn biệt thự thuộc dự án trên với giá trị 5.251.578.900 đồng. Chính ông C – đại diện công ty S cũng thừa nhận mức giá này là giao khoán bao gồm cả tiền vật tư xây dựng và nhân công. Tại Giấy đề nghị tạm ứng (lần 1) ngày 10/01/2015, ông Lê Ngọc C đại diện cho công ty S đã đề nghị

Công ty M tạm ứng 437.631.575 đồng để thanh toán tiền vật tư vật liệu và nhân công.

Ông C trình bày tuy ký hợp đồng số 02/HĐTC/THM/TSH ĐTC/12/2014 ngày 25/12/2014 với nội dung như đã nêu trên nhưng do công ty M muốn quản lý và điều phối vật liệu xây dựng nên đã tự mua vật liệu xây dựng và chỉ giao vật liệu xây dựng theo giai đoạn thi công (xây dựng đến đâu thì giao vật liệu đến đó), sau này tiền vật liệu xây dựng được trừ vào giá trị của hợp đồng. Tuy nhiên, điều này không được ông G thừa nhận, ông C cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh giữa công ty M và công ty S có nội dung thỏa thuận này.

Việc mua vật liệu xây dựng để thi công vẫn còn thiếu của bà N chủ DNTN NT số tiền 590.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, bà N không có căn cứ nào chứng minh việc bà giao nhận vật tư cho đại diện công ty M, việc giao nhận vật tư đều do ông C – là đại diện công ty S ký nhận, việc tạm ứng 20.000.000 đồng cũng do ông C tạm ứng, ký tên. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà N về việc yêu cầu công ty M thanh toán số tiền nêu trên là có căn cứ.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà N không yêu cầu công ty S có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 590.000.000 đồng nên việc bà N kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc công ty S thanh toán số tiền nêu trên là không có cơ sở xem xét.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N – Chủ doanh nghiệp tư nhân NT; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2021/KDTM-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Kim N nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định, nên kháng cáo được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Ông G, ông Bùi Huy I, ông Lê Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bà Trần Thị Kim N – Chủ doanh nghiệp tư nhân NT khởi kiện và kháng cáo cho rằng: Công ty M là đơn vị mua vật liệu xây dựng của bà, với tổng số tiền là: 610.000.000 đồng, đã thanh toán 20.000.000 đồng, còn nợ 590.000.000 đồng, nên

bà yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty M thanh toán số tiền hàng còn thiếu là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại đơn kháng cáo bổ sung bà N yêu cầu buộc Công ty M hoặc cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho bà khoản nợ còn lại là 590.000.000 đồng.

Xét thấy: Kháng cáo bổ sung của bà Trần Thị Kim N vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên không được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3.1] Về quan hệ mua bán: Các bên đương sự đều thừa nhận có quan hệ mua bán vật liệu xây dựng, số lượng và khoản tiền chưa thanh toán. Tuy nhiên, các đương sự có tranh chấp về việc xác định ai là người mua để thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[3.2] Bà N cho rằng: Công ty M ký hợp đồng thi công gói thầu số 2212/2014/HĐXD/VPNT-THM với Công ty TNHH V NT, để thi công công trình V NT, tại đảo HT, phường VN, TP. NT, tỉnh KH và ông G ký giấy ủy quyền cho ông Bùi Huy I - Phó giám đốc Công ty M, thực hiện hợp đồng thi công số 2212/2014/HĐXD/VPNT-THM. Ông I và ông C (đại diện công ty TNHH xây dựng thương mại S) đã liên hệ với Doanh nghiệp tư nhân NT do bà Trần Thị Kim N làm chủ để mua vật liệu xây dựng. Ông I lập bảng đề xuất vật liệu xây dựng gồm: xi măng, cát, đá, gạch đinh, thép, cốt pha, ván đen, sắt hộp. Bà N căn cứ trên bảng đề xuất, để giao vật tư tại công trình, nên bà yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền còn thiếu cho bà. Bà N giao nộp 18 giấy biên nhận giao vật tư, theo đó có 11 giấy biên nhận do ông C ký tên người nhận hàng, (trong đó tiền ứng 20.000.000 đồng cũng do ông C ký tên). Ông C, bà N đều thống nhất số tiền mua bán vật liệu xây dựng để thi công vẫn còn thiếu của Doanh nghiệp tư nhân NT là 590.000.000 đồng (610.000.000 đồng – 20.000.000 đồng đặt cọc) là đúng.

Tuy nhiên, Công ty M không thừa nhận việc Công ty đã trực tiếp mua vật liệu xây dựng từ doanh nghiệp tư nhân NT, việc mua bán vật liệu xây dựng là có thật, do Công ty S là đơn vị thi công phần thô và hoàn thiện 03 căn biệt thự theo hình thức giao khoán toàn bộ với Công ty M. nên Công ty M không chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng cho Công ty S. Công ty S là đơn vị trực tiếp mua bán và giao nhận vật liệu xây dựng từ bà N. Vì vậy, Công ty M không chịu trách nhiệm thanh toán số tiền trên mà cho rằng nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ trên thuộc trách nhiệm của Công ty S.

[3.3] Về phía Ông C – đại diện Công ty S cho rằng việc mua bán vật liệu xây dựng là do Công ty M trực tiếp mua bán với bà N, ông C chỉ giới thiệu cửa hàng vật liệu xây dựng NT cho ông I là người được Công ty M ủy quyền giao dịch.

[3.4] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện: Ông Bùi Huy I là Phó giám đốc có Giấy ủy quyền của Giám đốc Công ty M, đến doanh nghiệp tư nhân NT cùng với ông Lê Ngọc C là đại diện Công ty S. Ông I lập bảng đề xuất vật liệu xây dựng gồm: xi măng, cát, đá, gạch đinh, thép, cốt pha, ván đen, sắt hộp. Tuy nhiên, tại “bảng đề xuất vật tư” chỉ có nội dung nêu số lượng các vật liệu xây dựng mà không thỏa thuận đơn giá, quyền và nghĩa vụ của các bên mua và bên bán như thế nào. Không có tài liệu, chứng từ thể hiện việc ông I đại diện Công ty M là

người trực tiếp mua vật liệu xây dựng với bà Trần Thị Kim N. Số tiền bà N cho rằng đại diện Công ty M đặt cọc là 20.000.000 đồng, nhưng tại giấy Biên nhận ngày 31/12/2014, lại thể hiện ông Lê Ngọc C là người ký nhận vật liệu xây dựng và giao số tiền 20.000.000 đồng đặt cọc. Do đó, việc bà N cho rằng Công ty M đặt cọc 20.000.000 đồng là không có căn cứ.

Ngoài ra, tại Giấy đề nghị tạm ứng lần 1 ngày 10/01/2015, Công ty S đề nghị Công ty M tạm ứng 437.631.575 đồng, để Công ty S có tiền trả vật tư, vật liệu và nhân công.

Tại đơn kiến nghị giải quyết ngày 21/01/2015 của Công ty S đã đề nghị Công ty M giải quyết tạm ứng 25% và nghiệm thu thanh toán đợt 1, để Công ty S thanh toán tiền vật tư, vật liệu cho doanh nghiệp tư nhân NT.

Tại đơn tố cáo ngày 12/11/2015, của Công ty S đối với Công ty M thể hiện: Công ty S đã bỏ tiền mua vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng để thi công.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2017, ông Lê Ngọc C thừa nhận việc Công ty M giao khoán cho Công ty S thi công 03 căn biệt thự với tổng số tiền là 5.251.578.900 đồng, là tiền khoán gọn cả vật liệu xây dựng và nhân công. Nhưng lại cho rằng vật liệu xây dựng là do Công ty M tự mua và quản lý, chỉ giao vật liệu xây dựng cho Công ty S. Lời khai của ông C mâu thuẫn với các tài liệu trước đó, nên không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, qua các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, không có căn cứ xác định Công ty M đã mua bán vật liệu xây dựng với doanh nghiệp tư nhân NT. Bà N khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty M có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ là 590.000.000 đồng, là không có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá khách quan toàn bộ tài liệu chứng cứ đã được thu thập, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

Bà N kháng cáo, nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh Công ty M là đơn vị mua vật liệu xây dựng và còn nợ tiền, nên không có cơ sở xem xét.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà N phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Quan điểm về đường lối giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Kim N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 06/2020/KDTM-ST ngày 08/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B .

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203, Điều 220, Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 55 Luật thương mại năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày

27/02/2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán” của bà Trần Thị Kim N - Chủ Doanh nghiệp tư nhân NT đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn thiết kế M.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim N phải chịu 27.600.000 đồng (hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 13.800.000 đồng (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002530 ngày 18/9/2015, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B . Bà N còn phải nộp tiếp số tiền 13.800.000 đồng (mười ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Kim N phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001579 ngày 07/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B (bà N đã nộp xong án phí phúc thẩm).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp Biên Hòa ;
- TAND Tp Biên Hòa ;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Ngô Thanh Sỹ